UBND TỈNH NINH BÌNH **TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 117/BC-ĐHHL	*Ninh Bình, ngày 02 tháng 6 năm 2023*

BÁO CÁO
Lấy ý kiến phản hồi về chương trình đào tạo và chất lượng đào tạo của sinh viên trước tốt nghiệp

Thực hiện Kế hoạch số 74/KH-ĐHHL ngày 19 tháng 4 năm 2023 của Trường Đại học Hoa Lư về việc lấy ý kiến phản hồi về chương trình đào tạo và chất lượng đào tạo của sinh viên trước tốt nghiệp, Nhà trường đã triển khai khảo sát lấy ý kiến của sinh viên, kết quả khảo sát như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Đối tượng khảo sát

Sinh viên cuối khóa của trường Đại học Hoa Lư, gồm các ngành: Giáo dục tiểu học, Giáo dục mầm non, Kế toán, Quản trị kinh doanh, Du lịch trình độ Đại học và Giáo dục Mầm non trình độ Cao đẳng.

2. Nội dung khảo sát

Nội dung khảo sát ý kiến sinh viên trước khi tốt nghiệp bao gồm:

- Đánh giá chương trình đào tạo: gồm các nội dung từ câu 1 - câu 13 (mục tiêu đào tạo, khả năng đáp ứng chuẩn kiến thức, kỹ năng của trình độ được đào tạo, cấu trúc, nội dung).
- Đánh giá hoạt động đào tạo và hỗ trợ: gồm các nội dung từ câu 14 - câu 33 (thông tin đào tạo, tổ chức dạy học, chất lượng đội ngũ giảng viên, hiệu quả phương pháp dạy - học, kiểm tra, đánh giá, đội ngũ hỗ trợ).
- Đánh giá về cơ sở vật chất phục vụ quá trình học tập: gồm các nội dung từ câu 34 - câu 47 (phòng học lý thuyết, thực hành, thư viện, sân chơi, bãi tập thể dục thể thao, trang thiết bị hỗ trợ học tập, nghiên cứu khoa học).
- Tự đánh giá về thái độ, kiến thức và kỹ năng sau quá trình học tập: gồm các nội dung từ câu 48 - câu 55 (nhận thức nghề nghiệp, kỹ năng giao tiếp xã hội, trình độ ngoại ngữ, tin học).

3. Phương pháp xử lý kết quả khảo sát

Phiếu khảo sát thực hiện trực tiếp qua Google Forms sử dụng thang đo Likert 05 mức độ:

https://docs.google.com/forms/d/e/1FAIpQLScdj3tymknMNNIenBSEERJaFckA_E21AYoZnMRJVL4wK_U9w/viewform?usp=sf_link

- Không đồng ý (tương ứng 1 điểm)
- Đồng ý một phần (tương ứng 2 điểm)
- Đồng ý (tương ứng 3 điểm)
- Phần lớn đồng ý (tương ứng 4 điểm)
- Hoàn toàn đồng ý (tương ứng 5 điểm)

Ý kiến phản hồi của sinh viên được thu thập và tổng hợp trên file Excel, sử dụng phần mềm SPSS để xử lý, phân tích và thống kê số liệu.

Điểm trung bình chung được tính theo công thức:

$$m = \frac{\sum_{i=1}^{5} a_i \cdot n_i}{\sum_{i=1}^{5} n_i}$$

Trong đó:

- m: trung bình chung
- a_i: điểm đánh giá
- n: số sinh viên đánh giá

Mẫu phiếu khảo sát *(Phụ lục)*

Thống kê, xử lý số liệu khảo sát: lưu trữ tại Phòng Đào tạo - Quản lý khoa học

4. Cách thức phân loại kết quả

TT	Trung bình chung	Mức ý kiến phản hồi	Hoạt động tiếp theo
1	4,2 - 5,0	Rất tốt	Tiếp tục duy trì và phát triển
2	3,5 - 4,1	Tốt	Hoàn thiện, nâng cao hơn nữa
3	2,7 - 3,4	Khá	Cải tiến để nâng cao chất lượng đào tạo
4	2,0 - 2,6	Trung bình	Xây dựng kế hoạch cải thiện, nâng cao chất lượng đào tạo
5	1,0 - 1,9	Kém	Cần khắc phục ngay và nhanh chóng có kế hoạch hoàn thiện và nâng cao chất lượng đào tạo

II. KẾT QUẢ KHẢO SÁT

1. Thống kê số liệu sinh viên tham gia khảo sát theo từng ngành

TT	Ngành (trình độ)	Số lượng SV năm cuối	Số lượng SV tham gia khảo sát	Tỷ lệ %
1	Kế toán (Đại học)	24	24	100
2	Quản trị kinh doanh (Đại học)	10	6	60
3	Du lịch (Đại học)	24	19	79,2
4	Giáo dục tiểu học (Đại học)	37	35	94,6
5	Giáo dục mầm non (Đại học)	34	30	88,2
6	Giáo dục mầm non (Cao đẳng)	10	10	100
Tổng		**139**	**124**	**89,2**

2. Đánh giá chương trình đào tạo

Bảng 1: Kết quả khảo sát chương trình đào tạo ngành Du lịch

Câu hỏi	Không đồng ý		Đồng ý một phần		Đồng ý		Phần lớn đồng ý		Hoàn toàn đồng ý		Trung bình chung
	Số SV	Tỷ lệ	Số SV	Tỷ lệ	Số SV	Tỷ lệ	Số SV	Tỷ lệ	Số SV	Tỷ lệ	
1	0	0,00%	1	5,26%	4	21,05%	1	5,26%	13	68,42%	**4,4**
2	0	0,00%	0	0,00%	5	26,32%	1	5,26%	13	68,42%	**4,4**
3	0	0,00%	0	0,00%	5	26,32%	2	10,53%	12	63,16%	**4,4**
4	0	0,00%	1	5,26%	4	21,05%	2	10,53%	12	63,16%	**4,3**
5	0	0,00%	0	0,00%	5	26,32%	1	5,26%	13	68,42%	**4,4**
6	0	0,00%	0	0,00%	4	21,05%	2	10,53%	13	68,42%	**4,5**
7	0	0,00%	0	0,00%	4	21,05%	2	10,53%	13	68,42%	**4,5**
8	0	0,00%	0	0,00%	5	26,32%	2	10,53%	12	63,16%	**4,4**
9	0	0,00%	0	0,00%	5	26,32%	2	10,53%	12	63,16%	**4,4**
10	0	0,00%	0	0,00%	4	21,05%	2	10,53%	13	68,42%	**4,5**
11	0	0,00%	0	0,00%	5	26,32%	1	5,26%	13	68,42%	**4,4**
12	0	0,00%	1	5,26%	4	21,05%	2	10,53%	12	63,16%	**4,3**
13	0	0,00%	1	5,26%	3	15,79%	3	15,79%	12	63,16%	**4,4**
Trung bình chung các nội dung đánh giá											**4,4**

Bảng 2: Kết quả khảo sát chương trình đào tạo ngành Kế toán

Câu hỏi	Không đồng ý		Đồng ý một phần		Đồng ý		Phần lớn đồng ý		Hoàn toàn đồng ý		Trung bình chung
	Số SV	Tỷ lệ	Số SV	Tỷ lệ	Số SV	Tỷ lệ	Số SV	Tỷ lệ	Số SV	Tỷ lệ	
1	0	0,00%	2	8,33%	5	20,83%	5	20,83%	12	50,00%	**4,1**
2	0	0,00%	0	0,00%	6	25,00%	5	20,83%	13	54,17%	**4,3**
3	0	0,00%	0	0,00%	6	25,00%	8	33,33%	10	41,67%	**4,2**
4	0	0,00%	0	0,00%	7	29,17%	8	33,33%	9	37,50%	**4,1**
5	0	0,00%	0	0,00%	6	25,00%	5	20,83%	13	54,17%	**4,3**
6	0	0,00%	0	0,00%	6	25,00%	5	20,83%	13	54,17%	**4,3**
7	0	0,00%	0	0,00%	6	25,00%	6	25,00%	12	50,00%	**4,3**
8	0	0,00%	0	0,00%	7	29,17%	6	25,00%	11	45,83%	**4,2**
9	0	0,00%	0	0,00%	6	25,00%	6	25,00%	12	50,00%	**4,3**
10	0	0,00%	1	4,17%	5	20,83%	7	29,17%	11	45,83%	**4,2**
11	0	0,00%	1	4,17%	6	25,00%	4	16,67%	13	54,17%	**4,2**
12	0	0,00%	1	4,17%	6	25,00%	6	25,00%	11	45,83%	**4,1**
13	0	0,00%	1	4,17%	5	20,83%	5	20,83%	13	54,17%	**4,3**
Trung bình chung các nội dung đánh giá											**4,2**

Bảng 3: Kết quả khảo sát chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh

Câu hỏi	Không đồng ý		Đồng ý một phần		Đồng ý		Phần lớn đồng ý		Hoàn toàn đồng ý		Trung bình chung
	Số SV	Tỷ lệ	Số SV	Tỷ lệ	Số SV	Tỷ lệ	Số SV	Tỷ lệ	Số SV	Tỷ lệ	
1	0	0,00%	0	0,00%	2	33,33%	1	16,67%	3	50,00%	**4,2**
2	0	0,00%	0	0,00%	2	33,33%	1	16,67%	3	50,00%	**4,2**
3	0	0,00%	0	0,00%	2	33,33%	3	50,00%	1	16,67%	**3,8**
4	0	0,00%	0	0,00%	2	33,33%	3	50,00%	1	16,67%	**3,8**
5	0	0,00%	0	0,00%	2	33,33%	2	33,33%	2	33,33%	**4,0**
6	0	0,00%	0	0,00%	2	33,33%	2	33,33%	2	33,33%	**4,0**
7	0	0,00%	0	0,00%	2	33,33%	3	50,00%	1	16,67%	**3,8**
8	0	0,00%	0	0,00%	3	50,00%	2	33,33%	1	16,67%	**3,7**
9	0	0,00%	0	0,00%	3	50,00%	1	16,67%	2	33,33%	**3,8**
10	0	0,00%	0	0,00%	3	50,00%	1	16,67%	2	33,33%	**3,8**
11	0	0,00%	0	0,00%	3	50,00%	1	16,67%	2	33,33%	**3,8**
12	0	0,00%	0	0,00%	2	33,33%	1	16,67%	3	50,00%	**4,2**
13	0	0,00%	0	0,00%	3	50,00%	2	33,33%	1	16,67%	**3,7**
Trung bình chung các nội dung đánh giá											**3,9**

Bảng 4: Kết quả khảo sát chương trình đào tạo ngành Giáo dục mầm non, trình độ Đại học

Câu hỏi	Không đồng ý		Đồng ý một phần		Đồng ý		Phần lớn đồng ý		Hoàn toàn đồng ý		Trung bình chung
	Số SV	Tỷ lệ	Số SV	Tỷ lệ	Số SV	Tỷ lệ	Số SV	Tỷ lệ	Số SV	Tỷ lệ	
1	0	0,00%	0	0,00%	7	23,33%	4	13,33%	19	63,33%	**4,4**
2	0	0,00%	0	0,00%	6	20,00%	4	13,33%	20	66,67%	**4,5**
3	0	0,00%	0	0,00%	7	23,33%	3	10,00%	20	66,67%	**4,4**
4	0	0,00%	0	0,00%	6	20,00%	3	10,00%	21	70,00%	**4,5**
5	0	0,00%	0	0,00%	7	23,33%	4	13,33%	19	63,33%	**4,4**
6	0	0,00%	0	0,00%	7	23,33%	4	13,33%	19	63,33%	**4,4**
7	0	0,00%	0	0,00%	6	20,00%	5	16,67%	19	63,33%	**4,4**
8	0	0,00%	0	0,00%	7	23,33%	3	10,00%	20	66,67%	**4,4**
9	0	0,00%	0	0,00%	7	23,33%	5	16,67%	18	60,00%	**4,4**
10	0	0,00%	0	0,00%	7	23,33%	4	13,33%	19	63,33%	**4,4**
11	0	0,00%	0	0,00%	7	23,33%	3	10,00%	20	66,67%	**4,4**
12	0	0,00%	0	0,00%	7	23,33%	3	10,00%	20	66,67%	**4,4**
13	0	0,00%	0	0,00%	7	23,33%	3	10,00%	20	66,67%	**4,4**
Trung bình chung các nội dung đánh giá											**4,4**

Bảng 5: Kết quả khảo sát chương trình đào tạo ngành Giáo dục tiểu học

Câu hỏi	Không đồng ý		Đồng ý một phần		Đồng ý		Phần lớn đồng ý		Hoàn toàn đồng ý		Trung bình chung
	Số SV	Tỷ lệ	Số SV	Tỷ lệ	Số SV	Tỷ lệ	Số SV	Tỷ lệ	Số SV	Tỷ lệ	
1	0	0,00%	0	0,00%	9	25,71%	11	31,43%	15	42,86%	**4,2**
2	0	0,00%	0	0,00%	11	31,43%	10	28,57%	14	40,00%	**4,1**
3	0	0,00%	1	2,86%	10	28,57%	10	28,57%	14	40,00%	**4,1**
4	0	0,00%	0	0,00%	10	28,57%	12	34,29%	13	37,14%	**4,1**
5	0	0,00%	0	0,00%	11	31,43%	11	31,43%	13	37,14%	**4,1**
6	0	0,00%	0	0,00%	9	25,71%	12	34,29%	14	40,00%	**4,1**
7	0	0,00%	0	0,00%	10	28,57%	11	31,43%	14	40,00%	**4,1**
8	0	0,00%	0	0,00%	11	31,43%	9	25,71%	15	42,86%	**4,1**
9	0	0,00%	0	0,00%	10	28,57%	11	31,43%	14	40,00%	**4,1**
10	0	0,00%	1	2,86%	11	31,43%	9	25,71%	14	40,00%	**4,0**
11	0	0,00%	0	0,00%	9	25,71%	11	31,43%	15	42,86%	**4,2**
12	0	0,00%	0	0,00%	10	28,57%	10	28,57%	15	42,86%	**4,1**
13	0	0,00%	0	0,00%	10	28,57%	11	31,43%	14	40,00%	**4,1**
Trung bình chung các nội dung đánh giá											**4,1**

Bảng 6: Kết quả khảo sát chương trình đào tạo ngành Giáo dục mầm non trình độ Cao đẳng

Câu hỏi	Không đồng ý		Đồng ý một phần		Đồng ý		Phần lớn đồng ý		Hoàn toàn đồng ý		Trung bình chung
	Số SV	Tỷ lệ	Số SV	Tỷ lệ	Số SV	Tỷ lệ	Số SV	Tỷ lệ	Số SV	Tỷ lệ	
1	0	0,00%	1	10,00%	4	40,00%	2	20,00%	3	30,00%	**3,7**
2	0	0,00%	1	10,00%	4	40,00%	2	20,00%	3	30,00%	**3,7**
3	0	0,00%	1	10,00%	4	40,00%	2	20,00%	3	30,00%	**3,7**
4	0	0,00%	0	0,00%	5	50,00%	2	20,00%	3	30,00%	**3,8**
5	0	0,00%	0	0,00%	5	50,00%	2	20,00%	3	30,00%	**3,8**
6	0	0,00%	1	10,00%	4	40,00%	3	30,00%	2	20,00%	**3,6**
7	0	0,00%	0	0,00%	5	50,00%	3	30,00%	2	20,00%	**3,7**
8	0	0,00%	0	0,00%	5	50,00%	4	40,00%	1	10,00%	**3,6**
9	0	0,00%	0	0,00%	5	50,00%	2	20,00%	3	30,00%	**3,8**
10	0	0,00%	0	0,00%	5	50,00%	1	10,00%	4	40,00%	**3,9**
11	0	0,00%	1	10,00%	4	40,00%	2	20,00%	3	30,00%	**3,7**
12	0	0,00%	0	0,00%	5	50,00%	2	20,00%	3	30,00%	**3,8**
13	0	0,00%	0	0,00%	5	50,00%	2	20,00%	3	30,00%	**3,8**
Trung bình chung các nội dung đánh giá											**3,7**

Một số nhận xét:

- Trung bình chung các nội dung đánh giá của tất cả các chương trình đào tạo đều ở mức tốt và rất tốt. Trong đó, Chương trình các ngành: Du lịch, Kế toán và Giáo dục mầm non trình độ Đại học có trung bình chung các tiêu chí đánh giá là 4,2-4,4, xếp loại ở mức rất tốt; Chương trình các ngành: Quản trị kinh (3,9), Giáo dục tiểu học (4,1) và Giáo dục mầm non trình độ cao đẳng (3,7) xếp loại ở mức tốt.

- Ở tiêu chí số 8 (Chương trình đào tạo có các học phần hỗ trợ sinh viên tham gia các hoạt động nghiên cứu khoa học) và tiêu chí số 13 (Chương trình đào tạo có phương pháp kiểm tra, đánh giá hợp lý) của Chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh đều có trung bình chung 3,7 đã cho thấy sinh viên có mức độ đồng ý với tiêu chí này còn đang hạn chế.

- Ở tiêu chí số 6 (Chuẩn đầu ra của từng học phần phù hợp, giúp sinh viên đạt được chuẩn đầu ra sau khi kết thúc môn học) và tiêu chí số 8 (Chương trình đào tạo có các học phần hỗ trợ sinh viên tham gia các hoạt động nghiên cứu khoa học) của chương trình đào tạo ngành Giáo dục mầm non, trình độ cao đẳng đều có trung bình chung 3,6 cho thấy chương trình cần phải cái tiến để cho phù hợp hơn.

3. Đánh giá hoạt động đào tạo và hỗ trợ đào tạo

Bảng 7: Kết quả khảo sát về hoạt động đào tạo và hỗ trợ đào tạo

Câu hỏi	Không đồng ý		Đồng ý một phần		Đồng ý		Phần lớn đồng ý		Hoàn toàn đồng ý		Trung bình chung
	Số SV	Tỷ lệ	Số SV	Tỷ lệ	Số SV	Tỷ lệ	Số SV	Tỷ lệ	Số SV	Tỷ lệ	
14	0	0,00%	1	0,81%	38	30,65%	28	22,58%	57	45,97%	**4,1**
15	1	0,81%	1	0,81%	34	27,42%	32	25,81%	56	45,16%	**4,1**
16	0	0,00%	0	0,00%	35	28,23%	30	24,19%	59	47,58%	**4,2**
17	0	0,00%	1	0,81%	37	29,84%	28	22,58%	58	46,77%	**4,2**
18	0	0,00%	1	0,81%	35	28,23%	29	23,39%	59	47,58%	**4,2**
19	0	0,00%	3	2,42%	33	26,61%	30	24,19%	58	46,77%	**4,2**
20	0	0,00%	1	0,81%	35	28,23%	28	22,58%	60	48,39%	**4,2**
21	0	0,00%	2	1,61%	33	26,61%	26	20,97%	63	50,81%	**4,2**
22	0	0,00%	1	0,81%	35	28,23%	29	23,39%	59	47,58%	**4,2**
23	0	0,00%	3	2,42%	33	26,61%	27	21,77%	61	49,19%	**4,2**
24	0	0,00%	3	2,42%	32	25,81%	30	24,19%	59	47,58%	**4,2**
25	0	0,00%	3	2,42%	34	27,42%	28	22,58%	59	47,58%	**4,2**
26	0	0,00%	2	1,61%	33	26,61%	28	22,58%	61	49,19%	**4,2**
27	0	0,00%	2	1,61%	33	26,61%	30	24,19%	59	47,58%	**4,2**
28	0	0,00%	0	0,00%	36	29,03%	27	21,77%	61	49,19%	**4,2**
29	0	0,00%	1	0,81%	34	27,42%	26	20,97%	63	50,81%	**4,2**
30	0	0,00%	1	0,81%	34	27,42%	29	23,39%	60	48,39%	**4,2**
31	0	0,00%	1	0,81%	36	29,03%	23	18,55%	64	51,61%	**4,2**
32	0	0,00%	2	1,61%	34	27,42%	23	18,55%	65	52,42%	**4,2**
33	0	0,00%	2	1,61%	34	27,42%	28	22,58%	60	48,39%	**4,2**

- Hầu hết các tiêu chí đánh giá Hoạt động đào tạo và hỗ trợ đào tạo đều có điểm đánh giá trung bình ở mức Rất tốt (4,2), có 2 tiêu chí số 14 và số 15 có điểm đánh giá trung bình ở mức Tốt (4,1).

- Hoạt động đào tạo và hỗ trợ đào tạo trên 90% sinh viên đánh giá cao các nội dung: Kế hoạch kiểm tra đánh giá được thông báo rõ ràng; Kết quả học được đánh giá bằng nhiều hình thức phù hợp với đặc thù môn học; Đội ngũ cố vấn học tập nhiệt tình, sẵn sàng tư vấn, hỗ trợ sinh viên; Đội ngũ giáo vụ khoa/bộ môn nhiệt tình, sẵn sàng tư vẫn, hỗ trợ sinh viên; Việc xét duyệt cấp học bổng cho sinh viên được thực hiện công bằng; Các hoạt động ngoại khóa tổ chức đáp ứng nhu cầu sinh viên, hỗ trợ tốt sinh viên trong học tập, rèn luyện,… Kết quả này cho thấy việc đánh giá kết quả học tập đã được cải thiện, cộng thêm đội ngũ cố vấn học tập đã tư vấn, hỗ trợ sinh viên để giúp các em sinh viên giải quyết các vướng mắc của mình trong quá trình học tập.

- Bên cạnh đó cũng cần xem xét đến một số ý kiến đồng ý một phần và không đồng ý ở các tiêu chí: Sinh viên có thể tiếp cận với bản mô tả chương trình đào tạo; Đề cương các học phần được công bố công khai bằng nhiều hình thức khác nhau; Giảng viên áp dụng phương pháp dạy - học theo hướng khuyến khích người học phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu và làm việc nhóm; Kết quả kiểm tra đánh giá chính xác, công bằng, kết quả kiểm tra được thông báo đến người học rõ ràng, đúng thời gian quy định…

4. Đánh giá cơ sở vật chất phục vụ quá trình học tập

Bảng 8: Kết quả khảo sát về cơ sở vật chất phục vụ quá trình học tập

Câu hỏi	Không đồng ý		Đồng ý một phần		Đồng ý		Phần lớn đồng ý		Hoàn toàn đồng ý		Trung bình chung
	Số SV	Tỷ lệ	Số SV	Tỷ lệ	Số SV	Tỷ lệ	Số SV	Tỷ lệ	Số SV	Tỷ lệ	
34	0	0,00%	2	1,61%	33	26,61%	30	24,19%	59	47,58%	**4,2**
35	0	0,00%	3	2,42%	37	29,84%	33	26,61%	51	41,13%	**4,1**
36	0	0,00%	4	3,23%	36	29,03%	31	25,00%	53	42,74%	**4,1**
37	0	0,00%	1	0,81%	42	33,87%	26	20,97%	55	44,35%	**4,1**
38	0	0,00%	1	0,81%	37	29,84%	34	27,42%	52	41,94%	**4,1**
39	0	0,00%	2	1,61%	40	32,26%	28	22,58%	54	43,55%	**4,1**
40	0	0,00%	5	4,03%	34	27,42%	34	27,42%	51	41,13%	**4,1**
41	0	0,00%	2	1,61%	40	32,26%	31	25,00%	51	41,13%	**4,1**
42	0	0,00%	1	0,81%	36	29,03%	36	29,03%	51	41,13%	**4,1**
43	0	0,00%	1	0,81%	37	29,84%	32	25,81%	54	43,55%	**4,1**
44	0	0,00%	1	0,81%	35	28,23%	35	28,23%	53	42,74%	**4,1**
45	0	0,00%	3	2,42%	34	27,42%	34	27,42%	53	42,74%	**4,1**
46	0	0,00%	1	0,81%	35	28,23%	37	29,84%	51	41,13%	**4,1**
47	0	0,00%	3	2,42%	34	27,42%	30	24,19%	57	45,97%	**4,1**

- Điểm trung bình đánh giá của các tiêu chí đều ở mức độ tốt (4,1), riêng tiêu chí số 34 (Phòng học lý thuyết đủ chỗ ngồi cho sinh viên) có mức đánh giá rất tốt (4,2).

- Ở một số tiêu chí: Hệ thống máy tính, máy chiếu, mạng, wifi, hệ thống giáo trình và tài liệu tham khảo…hỗ trợ hiệu quả nhu cầu học tập, nghiên cứu khoa học của sinh viên có tỷ lệ sinh viên đồng ý một phần đạt 4,03% cho thấy sinh viên vẫn chưa hài lòng hoàn toàn với trang thiết bị phòng thực hành, điều kiện máy tính, wifi, tài liệu thư viện… nhằm đáp ứng yêu cầu học tập, nghiên cứu.

5. Đánh giá về thái độ, kiến thức và kỹ năng sau quá trình học tập

Bảng 9: Kết quả khảo sát về thái độ, kiến thức và kỹ năng sau quá trình học tập

Câu hỏi	Không đồng ý		Đồng ý một phần		Đồng ý		Phần lớn đồng ý		Hoàn toàn đồng ý		Trung bình chung
	Số SV	Tỷ lệ	Số SV	Tỷ lệ	Số SV	Tỷ lệ	Số SV	Tỷ lệ	Số SV	Tỷ lệ	
48	0	0,00%	3	2,42%	32	25,81%	27	21,77%	62	50,00%	**4,2**
49	0	0,00%	1	0,81%	37	29,84%	24	19,35%	62	50,00%	**4,2**
50	0	0,00%	3	2,42%	36	29,03%	22	17,74%	63	50,81%	**4,2**
51	0	0,00%	1	0,81%	37	29,84%	26	20,97%	60	48,39%	**4,2**
52	0	0,00%	1	0,81%	38	30,65%	25	20,16%	60	48,39%	**4,2**
53	0	0,00%	2	1,61%	35	28,23%	25	20,16%	62	50,00%	**4,2**
54	0	0,00%	1	0,81%	37	29,84%	25	20,16%	61	49,19%	**4,2**
55	0	0,00%	1	0,81%	38	30,65%	22	17,74%	63	50,81%	**4,2**

Điểm trung bình đánh giá các tiêu chí đạt ở mức độ rất tốt (4,2), phản ánh sinh viên hoàn toàn tự tin về thái độ, phẩm chất đạo đức, nhận thức ngành nghề, kiến thức chuyên môn và kỹ năng mềm (kỹ năng giao tiếp, kỹ năng tin học, ngoại ngữ, làm việc nhóm, kiểm soát cảm xúc, quản lý thời gian..) sau quá trình học tập.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ KẾT QUẢ KHẢO SÁT

1. Đánh giá chung về kết quả khảo sát

1.1. Ưu điểm

- Phần lớn sinh viên có ý thức tham gia khảo sát, lấy ý kiến của sinh viên trước khi tốt nghiệp về chương trình đào tạo và chất lượng đào tạo do đã nhận thức được quyền lợi và trách nhiệm của mình, thấy được vai trò, ý nghĩa của việc lấy ý kiến phản hồi giúp nhà trường đánh giá đúng thực trạng để có những biện pháp cải tiến, đổi mới trong chương trình đào tạo, hoạt động giảng dạy, hỗ trợ giảng dạy của giảng viên.

- Về chương trình đào tạo: Đa phần sinh viên đánh giá chương trình đào tạo các ngành cơ bản đáp ứng được yêu cầu đào tạo và phù hợp với nhu cầu xã hội.

- Về hoạt động đào tạo và hỗ trợ đào tạo: hầu hết các giảng viên được đánh giá ở mức cao, có trình độ chuyên môn tốt, đảm bảo giờ lên lớp và thực hiện nghiêm túc

kế hoạch giảng dạy, đổi mới phương pháp giảng dạy để phát triển năng lực học tập của sinh viên.

- Về cơ sở vật chất phục vụ quá trình học tập: cơ đã đáp ứng tốt nhu cầu học tập và của sinh viên, có đủ trang thiết bị cho sinh viên thực hành, nghiên cứu khoa học.

1.2. Tồn tại

- Các chương trình xem xét nội dung học phần hỗ trợ sinh viên nghiên cứu khoa học để nâng cao chất lượng nghiên cứu khoa học cho sinh viên.
- Chương trình đào tạo ngành Giáo dục mầm non trình độ cao đẳng cần xem xét nội dung Chuẩn đầu ra của từng học phần, giúp sinh viên đạt được chuẩn đầu ra sau khi kết thúc học phần.
- Chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh cần xem xét nội dung Phương pháp kiểm tra, đánh giá hợp lý để đánh giá đúng được kết quả học tập của sinh viên và phù hợp với nhu cầu của xã hội.
- Nhà trường cần đầu tư cải thiện hệ thống trang thiết bị phục vụ dạy học và nghiên cứu khoa học của sinh viên.

2. Đề xuất, kiến nghị

- Tiếp tục các biện pháp nhằm nâng cao năng lực đội ngũ giảng viên; đổi mới phương pháp giảng dạy để đáp ứng nhu cầu của người học và xã hội.
- Các cố vấn học tập, giáo viên chủ nhiệm cần nâng cao trách nhiệm của mình, sát sao theo dõi việc học tập, kịp thời giải đáp các thắc mắc của sinh viên.
- Tiếp tục duy trì công tác triển khai lấy ý kiến phản hồi rộng rãi tới tất cả sinh viên trước khi tốt nghiệp.

Trên đây là báo cáo lấy ý kiến phản hồi về chương trình đào tạo và chất lượng đào tạo của sinh viên khóa D12, C27 trước tốt nghiệp. Các đơn vị và cá nhân căn cứ vào kết quả khảo sát để có kế hoạch cải tiến chất lượng đào tạo cho năm học 2023-2024./.

Nơi nhận:
- Ban giám hiệu;
- Các đơn vị;
- Lưu: VT, ĐT-QLKH

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ

TS. Dương Trọng Luyện

PHỤ LỤC: MẪU PHIẾU KHẢO SÁT

UBND TỈNH NINH BÌNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

PHIẾU KHẢO SÁT
Ý KIẾN CỦA SINH VIÊN VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO

(Dành cho sinh viên khóa D12, C27 trước khi tốt nghiệp)

Nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, Nhà trường gửi phiếu khảo sát đến Anh/Chị để thu thập ý kiến phản hồi về chương trình đào tạo và chất lượng đào tạo. Mong Anh/Chị vui lòng hoàn thành các câu hỏi dưới đây bằng cách lựa chọn câu trả lời và ghi những ý kiến khác. Nhà trường đảm bảo các thông tin cá nhân trong phiếu khảo sát này hoàn toàn được bảo mật. Vì vậy, xin Anh/Chị hãy trả lời một cách thẳng thắn và khách quan các câu hỏi.

I. Thông tin về sinh viên

Họ và tên: ……... Mã SV: …….....

Lớp:…… Ngành: ……..Khoa: ……

Địa chỉ liên hệ: ……..

Số điện thoại: ……..Email: .. …….....

II. Nội dung đánh giá

Anh/Chị chọn 1 trong 5 mức độ sau với thang đo:

1. Không đồng ý 2. Đồng ý một phần 3. Đồng ý 4.Phần lớn đồng ý 5. Hoàn toàn đồng ý

Nội dung đánh giá		Mức độ				
		1	2	3	4	5
II.1. Đánh giá chương trình đào tạo						
1	Chương trình đào tạo có mục tiêu và chuẩn đầu ra rõ ràng					
2	Chương trình đào tạo đáp ứng yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng của trình độ đào tạo					
3	Nội dung, cấu trúc chương trình đào tạo cân đối giữa kiến thức, kỹ năng đại cương và kiến thức, kỹ năng chuyên ngành					
4	Nội dung chương trình đào tạo có tỷ lệ hợp lý giữa lý thuyết và thực hành					
5	Nội dung chương trình đào tạo được cập nhật, đổi mới					
6	Chuẩn đầu ra của từng học phần phù hợp, giúp sinh viên đạt được chuẩn đầu ra sau khi kết thúc môn học					
7	Nội dung các học phần có tính định hướng nghề nghiệp rõ ràng					
8	Chương trình đào tạo có các học phần hỗ trợ sinh viên tham gia các hoạt động nghiên cứu khoa học					

9	Chương trình đào tạo có các học phần về thực tập, thực hành, thực tế chuyên môn, rèn nghiệp vụ,... hiệu quả					
10	Trình tự các học phần của ngành đào tạo được sắp xếp hợp lý					
11	Số lượng học phần, số lượng tín chỉ của học phần trong chương trình đào tạo là phù hợp					
12	Thời gian đào tạo của chương trình là phù hợp					
13	Chương trình đào tạo có phương pháp kiểm tra, đánh giá hợp lý					
II.2. Đánh giá hoạt động đào tạo và hỗ trợ						
14	Các thông tin liên quan tới quá trình đào tạo được cung cấp đầy đủ kịp thời (các quy chế, quy định, quyền lợi và nghĩa vụ của sinh viên)					
15	Sinh viên có thể tiếp cận với bản mô tả chương trình đào tạo, đề cương các học phần được công bố công khai bằng nhiều hình thức khác nhau					
16	Nhà trường phổ biến sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu đào tạo đến SV bằng nhiều hình thức khác nhau					
17	Phương thức tổ chức đào tạo của Trường có tính linh hoạt và thích hợp tạo thuận lợi cho người học					
18	Đội ngũ giảng viên có kiến thức chuyên môn vững vàng và có tính cập nhật					
19	Giảng viên áp dụng phương pháp dạy - học theo hướng khuyến khích người học phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu và làm việc nhóm					
20	Giảng viên nhiệt tình, sẵn sàng giúp đỡ sinh viên trong học tập và nghiên cứu khoa học					
21	Kế hoạch kiểm tra, đánh giá được thông báo rõ ràng					
22	Quy trình kiểm tra đánh giá đảm bảo tính nghiêm túc, khách quan					
23	Kết quả học được đánh giá bằng nhiều hình thức phù hợp với đặc thù môn học					
24	Kết quả kiểm tra đánh giá chính xác, công bằng					
25	Kết quả kiểm tra được thông báo đến người học rõ ràng, đúng thời gian quy định					
26	Trường hợp có khiếu nại được giải quyết thỏa đáng					
27	Đội ngũ cố vấn học tập am hiểu về quy định, quy chế liên quan đến sinh viên					
28	Đội ngũ cố vấn học tập nhiệt tình, sẵn sàng tư vấn, hỗ trợ sinh viên					
29	Đội ngũ giáo vụ Khoa/Bộ môn nhiệt tình, sẵn sàng tư vấn, hỗ trợ sinh viên					
30	Nhân viên các phòng chức năng am hiểu về quy định, quy chế liên quan đến sinh viên, sẵn sàng tư vấn, hỗ trợ sinh viên					
31	Việc xét duyệt cấp học bổng cho sinh viên được thực hiện công bằng					

32	Các hoạt động ngoại khóa tổ chức đáp ứng nhu cầu sinh viên, hỗ trợ tốt sinh viên trong học tập, rèn luyện					
33	Công tác chăm sóc sức khỏe đáp ứng nhu cầu của sinh viên					
II.3. Đánh giá về cơ sở vật chất phục vụ quá trình học tập						
34	Phòng học lý thuyết đủ chỗ ngồi cho sinh viên					
35	Phòng học lý thuyết được trang bị các thiết bị hỗ trợ cần thiết cho giảng dạy và học tập					
36	Hệ thống máy tính, máy chiếu, mạng, wifi,... hỗ trợ hiệu quả nhu cầu học tập, nghiên cứu khoa học của sinh viên					
37	Nhà trường có đầy đủ phòng thực hành để sinh viên thực hành và rèn luyện kỹ năng					
38	Phòng thực hành có đủ chỗ cho sinh viên trong giờ thực hành					
39	Phòng thực hành được trang bị đầy đủ các dụng cụ, thiết bị, phương tiện và các vật chất khác phục vụ các bài thực hành, thí nghiệm….					
40	Thư viện có đủ giáo trình và tài liệu tham khảo đáp ứng nhu cầu học tập của sinh viên					
41	Môi trường sinh hoạt trong khuôn viên trường an toàn, thân thiện, sạch sẽ, văn minh					
42	Thư viện có thời gian đóng mở cửa phòng học, phòng mượn hợp lý					
43	Phòng đọc của thư viện thoáng mát, đủ ánh sáng, đáp ứng yêu cầu về diện tích, chỗ ngồi					
44	Có thể dễ dàng truy cập dữ liệu trên thư viện điện tử					
45	Cơ sở dữ liệu của thư viện điện tử thường xuyên được cập nhật					
46	Cán bộ phục vụ của thư viện sẵn sàng tư vấn, hướng dẫn cho độc giả trong quá trình mượn - trả sách					
47	Nhà trường có đủ sân chơi, bãi tập thể dục thể thao cho sinh viên sinh hoạt					
II.4. Đánh giá về thái độ, kiến thức và kỹ năng sau quá trình học tập						
48	Sinh viên có sức khỏe, phẩm chất đạo đức (trung thực, tiết kiệm, ham học hỏi,...) của người lao động đáp ứng yêu cầu của thị trường					
49	Nhận thức ngành nghề của sinh viên được định hướng tốt					
50	Sinh viên tự tin về kiến thức chuyên môn của mình					
51	Sinh viên cảm thấy tự tin trong giao tiếp xã hội					
52	Sinh viên có trình độ ngoại ngữ đáp ứng công việc chuyên môn sau này					
53	Sinh viên có trình độ tin học đáp ứng công việc chuyên môn sau này					

54	Sinh viên có kỹ năng mềm (tìm kiếm việc làm và tuyển dung, làm việc nhóm, kiểm soát cảm xúc, quản lý thời gian,...) đáp ứng công việc sau này.					
55	Sẵn sàng tư vấn cho người thân vào học trong trường này					

III. Những ý kiến đóng góp khác của Anh/Chị nhằm nâng cao chất lượng đào tạo của Nhà trường

……
……
……

Chân thành cảm ơn sự hợp tác của Anh/Chị.